

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/10/2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đính

2. Ông Nguyễn Việt Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa:
Ông Trương Văn Sa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1983; Địa chỉ nơi cư trú: Tổ 10, ấp 12, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước;

Bị đơn: Chị **Nguyễn Ngọc S**, sinh năm 1986; Địa chỉ nơi cư trú: Tổ 10, ấp 12, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu anh và chị S quyết định chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai còn độc thân, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong quá trình chung sống thời gian đầu cũng bình thường nhưng bắt đầu từ năm 2016 anh và chị S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng nhau. Chị S không lo làm ăn,

suốt ngày chị S đi ra ngoài. Càng ngày tình cảm vợ chồng không còn, không nói chuyện với nhau, mặc ai sống ra sao thì sống. Do tính chất công việc anh C phải đi làm thường xuyên, ít có thời gian ở nhà nhưng về nhà vợ chồng cũng không nói chuyện được với nhau. Tuy vợ chồng còn sống chung nhà nhưng không ai còn quan tâm ai, không nói chuyện với nhau. Nay anh C cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh C yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị S.

Về con chung: Anh C và chị S có 02 con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 27/01/2008 và Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 18/7/2011. Anh C yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Ngọc S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu chị và anh C chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Trước khi chung sống cả hai còn độc thân, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong quá trình chung sống chị và anh C không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh C có quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài, không những có quan hệ với một người mà có quan hệ với nhiều người, anh C thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến vợ con. Chị và gia đình hai bên có khuyên bảo nhưng anh C cũng không nghe. Anh C không tôn trọng vợ. Hiện vợ chồng vẫn sống chung nhưng anh C cứ đi một thời gian xong lại về với vợ con, cứ tiếp diễn như vậy. Nay anh C yêu cầu ly hôn thì chị S không đồng ý vì muốn vợ chồng đoàn tụ lo cho con.

Về con chung: Thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 27/01/2008 và Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 18/7/2011. Trước đây anh C yêu cầu nuôi hai con chung thì chị S đồng ý giao 02 con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Không có ý kiến gì về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Anh C rút yêu cầu khởi kiện về con chung, trước đây anh C yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, nay anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về con.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Ngọc S vắng mặt

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến.

+ Việc chấp hành theo quy định pháp luật tố tụng

+ Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, 71 và Điều 234 BLTTDS

+ Quan điểm về giải quyết vụ án: Anh C và chị S chung sống với nhau vào năm 2007 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống xét thấy anh C và chị S không có hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn và không còn quý trọng, quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau nữa làm cho đời sống vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng. Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào lời khai nguyên đơn, bị đơn và các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc S và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về con chung.

Về án phí buộc nguyên đơn chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn anh Nguyễn Văn C, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “*Ly hôn*” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn chị Nguyễn Ngọc S có nơi cư trú tại ấp 12, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Ngọc S nhưng do chị S đã được Tòa án nhiều triệu tập để giải quyết vụ án và xét xử nhưng chị S vắng mặt không có lý do chính đáng do đó căn cứ khoản 3 Điều 228 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn C, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[4.1] Anh C và chị S tự nguyện sống chung với nhau có làm thủ tục đăng ký kết hôn vào năm 2007 theo đúng quy định pháp luật. Việc kết hôn là do hai người

hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa, lừa dối. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh C cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng nhau. Chị S không lo làm ăn, suốt ngày chị S đi ra ngoài. Càng ngày tình cảm vợ chồng không còn, không nói chuyện với nhau, mặc ai sống ra sao thì sống. Bị đơn chị S cũng thừa cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C có quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài, không những có quan hệ với một người mà có quan hệ với nhiều người, anh C thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến vợ con. Chị S và gia đình hai bên có khuyên bảo nhưng anh C cũng không nghe. Qua xác minh tại nơi cư trú, chính quyền địa phương cũng cho rằng cuộc sống vợ chồng anh C, chị S thường hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do ghen tuông. Tòa án cũng đã động viên thuyết phục vợ chồng đoàn tụ nhưng anh C vẫn cương quyết ly hôn. Xét thấy, anh C và chị S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Kiều cho anh C được ly hôn với chị S.

[4.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 27/01/2008 và Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 18/7/2011. Quá trình khởi kiện anh C có yêu cầu tòa án giải quyết cho anh nuôi cả 02 con tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay anh C có đơn rút yêu cầu khởi kiện của mình về phần nuôi con chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Xét việc rút đơn của anh C là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng chấp nhận.

[4.3] Về tài sản chung: Anh C và chị S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[4.4] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn C phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc Sương.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C về con chung.

3. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Anh Nguyễn Văn C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004437 ngày 05/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn chị S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo tính trong thời hạn 15 ngày từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- UBND xã M
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ung Thị Ngọc Thanh